

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU TỈNH NINH BÌNH
GIAI ĐOẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 5 /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

I. QUAN ĐIỂM VÀ TẦM NHÌN

1. Quan điểm

- Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Dữ liệu số là nền tảng, yếu tố cốt lõi, then chốt, không thể tách rời của quá trình chuyển đổi số.

- Phát triển dữ liệu phải gắn kết chặt chẽ, xuyên suốt trong mọi hoạt động của cơ quan nhà nước; tuân thủ nguyên tắc hạn chế trùng lặp dữ liệu, ưu tiên kết nối, khai thác và kế thừa dữ liệu từ các bộ, ngành Trung ương đối với những cơ sở dữ liệu quốc gia đã có.

- Ưu tiên thiết lập luồng dữ liệu liên thông trực tiếp, xuyên suốt phục vụ mô hình chính quyền 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), loại bỏ hoàn toàn các khâu trung gian nhằm tối ưu hóa phương thức chỉ đạo điều hành, nâng cao tốc độ ra quyết định của lãnh đạo các cấp và cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhanh chóng cho người dân, doanh nghiệp.

- Khai phá hiệu quả tiềm năng của dữ liệu để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo ra các giá trị mới với phương châm “Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm”.

- Chiến lược dữ liệu của tỉnh phải thống nhất, phù hợp với tầm nhìn, định hướng của quốc gia về phát triển dữ liệu số; tuân thủ nghiêm ngặt Khung Kiến trúc Chính phủ số Việt Nam và Kiến trúc số tỉnh Ninh Bình.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Xây dựng, làm giàu và phát triển Dữ liệu tỉnh Ninh Bình bảo đảm yêu cầu đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ và thống nhất dùng chung. Hoàn thiện mô hình kiến trúc chuyển đổi số, mô hình tổ chức, quản trị dữ liệu và các giải pháp an ninh mạng, an toàn thông tin dữ liệu của tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tạo bước đột phá về hạ tầng công nghệ phục vụ quản lý, quản trị, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đưa dữ liệu thực sự trở thành nguồn tài nguyên không gian mới của tỉnh.

- Dữ liệu số đóng góp trực tiếp vào cơ cấu nền kinh tế, đưa thu nhập bình quân đầu người và tỉ trọng kinh tế số của tỉnh Ninh Bình vượt mức bình quân các tỉnh, thành phố trong cả nước.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng và triển khai đồng bộ kiến trúc hệ thống, nền tảng dùng chung trong toàn bộ hệ thống chính trị, xuyên suốt từ Trung ương đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt, đồng bộ, thống nhất toàn hệ thống chính trị, thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị.

- Phấn đấu 100% hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu (CSDL) của tỉnh được rà soát, đánh giá, tiếp tục xây dựng, bổ sung và chuẩn hóa toàn diện theo tiêu chuẩn chung, bảo đảm bao quát tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, khả năng liên thông, kết nối, chia sẻ, tích hợp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cải cách thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, đáp ứng yêu cầu thiết thực của người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu quả; đưa hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đột phá trong cải cách hành chính và nâng cao chất lượng quản trị công.

- Xây dựng hạ tầng số, nền tảng số thống nhất, ổn định, hiện đại bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Tập trung xây dựng, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các Trung tâm điều hành thông minh phục vụ chỉ đạo điều hành các cấp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phổ cập kỹ năng số, phát huy tiềm năng sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển hạ tầng dữ liệu

- Phát triển, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của tỉnh dựa trên các công nghệ tiên tiến như điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big Data), có tính dự phòng, đáp ứng năng lực tính toán, lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn, có khả năng kết nối với Trung tâm dữ liệu vùng, khu vực, quốc gia theo quy hoạch của Trung ương, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các nền tảng điện toán đám mây của tỉnh và các nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động đảm bảo sẵn sàng đáp ứng 100% nhu cầu lưu trữ, thu thập, kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh, nhu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật thông tin theo cấp độ quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

2.2. Dữ liệu số trong phát triển chính quyền số

- 100% các CSDL trong danh mục CSDL dùng chung, danh mục CSDL chuyên ngành của tỉnh cần ưu tiên triển khai và hoàn thành, tạo nền tảng phát triển chính quyền số; hoàn thành việc số hóa, cập nhật và đưa vào sử dụng hiệu quả; ưu tiên chia sẻ, kết nối liên thông trực tiếp từ Ủy ban nhân dân các xã, phường với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn tỉnh.

- Các CSDL dùng chung và chuyên ngành của các sở, ban, ngành, xã, phường, (ngoại trừ các CSDL nghiệp vụ đặc thù) có nhu cầu kết nối, khai thác, tích hợp, chia sẻ thông tin với các CSDL của quốc gia, của tỉnh hoặc nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin với nhau, được đáp ứng 100% yêu cầu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- 100% các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng (không trùng lặp, dư thừa, không tốn công sức và chi phí để xử lý lại dữ liệu, hoặc thu thập lại dữ liệu), đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả, đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ, phục vụ cho các hoạt động chỉ đạo điều hành, ban hành chính sách của cơ quan nhà nước và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 100% dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính được chuyển vào Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để tái sử dụng, chia sẻ theo quy định.

- Tích hợp kết quả xử lý công việc của cán bộ, công chức, viên chức vào phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của từng đơn vị; tỷ lệ áp dụng dữ liệu trong phục vụ quản lý điều hành công việc trên môi trường số, trong kiểm tra, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt tối thiểu 70%.

- Kết hợp khai thác sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đối với 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 100% các sở, ban, ngành, xã, phường thành lập được bộ phận phụ trách về dữ liệu; xây dựng và triển khai theo các nội dung chiến lược dữ liệu đã quy định; hằng năm ban hành bổ sung làm giàu danh mục dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu ngành, danh mục dữ liệu mở; các hoạt động quản trị dữ liệu đã được triển khai thực hiện định kỳ.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công toàn trình; các Hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức được kết nối Nền tảng định danh và xác thực điện tử để giảm thiểu sự trùng lặp, sai khác thông tin, giảm thiểu chi phí và thời gian, tạo môi trường tin cậy cho các giao dịch trực tuyến của cá nhân.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về tạo lập và quản trị dữ liệu.

2.3. Dữ liệu số trong phát triển kinh tế số, xã hội số

- Kinh tế số chiếm 30% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).

- Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành nông nghiệp gồm: dữ liệu đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh phục vụ các hoạt động sản xuất nông nghiệp; hình thành dữ liệu của toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất, kinh doanh, chế biến, quản lý giám sát nguồn gốc, cung ứng các sản phẩm nông nghiệp quan trọng, đảm bảo việc cung cấp thông tin minh bạch, chính xác, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử.

- Xây dựng và hoàn thành 100% các bộ dữ liệu ngành công nghiệp, thương mại và năng lượng, bao gồm: dữ liệu về mạng lưới sản xuất, truyền tải, tiêu thụ; dữ liệu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, mạng lưới, chuỗi cung ứng sản xuất cơ bản trong các hoạt động công nghiệp từ nguyên liệu thô tới thành phẩm thương mại; dữ liệu về các trung tâm logistics, vận chuyển, kho bãi; dữ liệu về thị trường thương mại, hành vi tiêu dùng, nhu cầu quảng cáo của các nhãn hàng trên thị trường Ninh Bình nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của các đơn vị sản xuất, xây dựng các kênh phân phối hàng hóa hiệu quả và giám sát chặt chẽ nhu cầu thị trường,...

- 90% các di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt được số hoá, lưu trữ đầy đủ dữ liệu và hình thành thư viện số, di sản số, có hiện diện số trên môi trường mạng để mọi người dân, khách du lịch có thể truy cập, tra cứu tìm hiểu thuận lợi trên môi trường số; 100% các danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh được hoàn thành việc số hóa, lưu trữ và chia sẻ thông tin rộng rãi, kết hợp xây dựng các nền tảng số du lịch đồng bộ để quảng bá, phát triển du lịch Ninh Bình, đưa du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển bền vững.

- Hoàn thiện 100% cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội cho người lao động. Dữ liệu chuẩn hóa số lao động điện tử, tích hợp với dữ liệu về học tập suốt đời, dữ liệu về đào tạo nghề (bao gồm cả đào tạo tại trường và đào tạo, tích lũy kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của người lao động được triển khai, hoàn thiện cho 100% người lao động đóng bảo hiểm xã hội.

- 100% các bộ dữ liệu mở về lực lượng, thị trường lao động việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu trình độ, kỹ năng tương ứng được cung cấp và đảm bảo cập nhật chính xác, kịp thời, làm cơ sở triển khai các giải pháp dự báo nhu cầu, sự biến động về lao động, việc làm; người lao động có thể tiếp cận với dữ liệu về nhu cầu lao động, việc làm của xã hội và được tự động cung cấp gợi ý về danh sách việc làm phù hợp khi bị thất nghiệp.

- Kho học liệu về giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập ngành giáo dục được số hóa, tích hợp với các nền tảng dạy và học trực tuyến đảm bảo hỗ trợ được cho 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông và tối thiểu 40% số ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- 100% dữ liệu không gian địa lý ngành nông nghiệp và môi trường được số hóa, chuẩn hóa và liên thông, chia sẻ cho các cơ quan nhà nước... dưới dạng dịch vụ bản đồ và có thể chia sẻ cho các hệ thống thông tin của những lĩnh vực có sử dụng dịch vụ dữ liệu không gian địa lý kết nối, khai thác sử dụng.

- 100% dữ liệu giám sát, quan trắc tự động việc xả thải của các khu công nghiệp, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường được đảm bảo đáp ứng nhu cầu kết nối theo thời gian thực, phục vụ việc phân tích đưa ra các cảnh báo khi có nguy cơ về sự cố môi trường.

- 100% dữ liệu về hạ tầng giao thông công cộng và phương tiện giao thông, dữ liệu về kho, bãi và các trung tâm logistics được số hóa, cập nhật kịp thời, hỗ trợ giải quyết tốt những vấn đề khó khăn, vướng mắc của ngành giao thông và đáp ứng được nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng giao nhận - kho vận và logistics.

- 95% các dữ liệu về y tế được xây dựng, tổ chức phù hợp với định hướng phân cấp quản lý từ tỉnh đến các xã, phường để phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu của tỉnh về y tế và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế.

- Phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm 01 sàn giao dịch dữ liệu tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...) để tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người dân, nhất là người có hoàn cảnh khó khăn và người khuyết tật; xuất khẩu tri thức của lao động ra nước ngoài dựa trên các công việc mới với dữ liệu.

2.4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng

100% các CSDL dùng chung, chuyên ngành của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp, đồng thời triển khai các hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường ưu tiên xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống CSDL và ứng dụng chuyên ngành để hình thành CSDL thống nhất, chia sẻ dùng chung; tránh tình trạng cát cứ dữ liệu trong mỗi cơ quan, đơn vị; liên thông, tích hợp với các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành đảm bảo theo các quy định, quy chuẩn, hướng dẫn của các bộ, ngành chủ quản.

(Chi tiết danh mục một số nhiệm vụ ưu tiên triển khai trong Phụ lục kèm theo).

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Xây dựng cơ chế, chính sách

- Tăng cường hợp tác quốc tế và liên doanh liên kết, hợp tác công tư, thuê dịch vụ để phát triển chuyển đổi số.

- Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút, khuyến khích tạo điều kiện, ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, triển khai xây dựng các hệ thống, thành phần của Chính quyền số thành tỉnh Ninh Bình.

- Xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến bảo đảm an toàn an ninh thông tin, quy trình giải quyết, xử lý các thủ tục hành chính liên thông điện tử giữa các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường của tỉnh Ninh Bình để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hệ thống thông tin liên thông các cấp của tỉnh.

- Tăng cường công tác đánh giá chỉ số DTI về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đưa chỉ số này thành một trong các tiêu chí để xét duyệt thi đua, khen thưởng các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chuyển đổi số, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện triển khai Chính quyền số theo đúng kiến trúc và lộ trình thực hiện.

2.2. Tổ chức bộ máy

- Thành lập Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh (Ban Chỉ đạo) do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban trực tiếp chỉ đạo về các nội dung: Xây dựng chiến lược về dữ liệu của tỉnh, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách về dữ liệu, hoạt động xây dựng, khai thác, phát triển, bảo vệ cơ sở dữ liệu; tích hợp, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, bảo vệ, quản trị, sử dụng tài nguyên dữ liệu.

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện việc phát triển dữ liệu của đơn vị mình.

- Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các

xã, phường thực hiện rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về dữ liệu, làm đầu mối theo dõi thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu, phát triển dữ liệu của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên tinh thần không phát sinh thêm cơ cấu tổ chức bộ máy.

- Thiết lập mạng lưới nhân sự hỗ trợ triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu của tỉnh. Mỗi cơ quan Nhà nước phân công một lãnh đạo làm đầu mối phụ trách về dữ liệu, chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành hoạt động về phát triển dữ liệu tại cơ quan, đơn vị mình; kết hợp mạng lưới cán bộ phụ trách về dữ liệu tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các hội, hiệp hội nghề nghiệp để đảm bảo việc triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu một cách đồng bộ trong tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

2.3. Tuyên truyền, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về dữ liệu; trong đó nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của dữ liệu là nguồn tài nguyên quan trọng có giá trị cao, là hạ tầng kiến tạo phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; dữ liệu càng được chia sẻ, khai thác càng tạo ra giá trị.

- Phát triển tầm nhìn dài hạn về dữ liệu trong cơ quan, đơn vị; hoạt động về quản lý dữ liệu phải được lập kế hoạch, xây dựng, lưu trữ, đánh giá chất lượng, kiểm kê, sử dụng, chia sẻ. Dữ liệu trở thành thành phần cốt lõi không thể tách rời trong mọi hoạt động chỉ đạo, điều hành và ra quyết định của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về quản trị dữ liệu trong phạm vi lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của mọi thành phần trong cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đối với xây dựng dữ liệu; trong đó phân công một cán bộ dữ liệu đóng vai trò tham mưu, tổ chức và thực thi quản lý dữ liệu số, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức trong việc tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu số do mình phụ trách.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng quản trị dữ liệu cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương; tập huấn bồi dưỡng về kỹ năng tham mưu, thực thi quản lý dữ liệu số, kỹ năng phân tích, xử lý và khai thác dữ liệu số, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên trách về dữ liệu tham gia các khóa học bồi dưỡng về khoa học dữ liệu.

2.4. Nghiên cứu, hợp tác phát triển

- Nghiên cứu, làm chủ các công nghệ về phân tích dữ liệu, xử lý dữ liệu; phát triển các mô hình trí tuệ nhân tạo, các thuật toán chuỗi khối ứng dụng cho dữ liệu mở, dữ liệu lớn phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của tỉnh.

- Ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho công nghệ số, dữ liệu số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh nghiên cứu, làm chủ các công nghệ lõi; khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo.

- Nghiên cứu phát triển thị trường dữ liệu, hoàn thành thí điểm, thử nghiệm 01 sàn giao dịch dữ liệu dưới sự hướng dẫn, giám sát của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan Trung ương, tạo môi trường mua bán, trao đổi dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu.

- Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến để nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2.5. Giải pháp tài chính

- Tranh thủ các chương trình, dự án, nguồn vốn của bộ, ngành Trung ương về chuyển đổi số, tạo lập, xây dựng các CSDL của tỉnh.

- Tăng cường huy động nguồn lực doanh nghiệp qua hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư (PPP); huy động các nguồn vốn vay ODA, tài trợ không hoàn lại trong phát triển hạ tầng dữ liệu.

- Khuyến khích phát triển và áp dụng các ứng dụng, dịch vụ thông minh có thu phí với hình thức phù hợp (ví dụ: cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu có thu phí theo đúng quy định của Luật Dữ liệu năm 2024 và pháp luật về phí, lệ phí,...) và khuyến khích người dân sử dụng (không bắt buộc) nhằm tạo thêm nguồn kinh phí tái đầu tư cho các dự án, ứng dụng thông minh khác.

- Khuyến khích và xác định cơ chế thu thập, đóng góp dữ liệu từ người dân, doanh nghiệp qua việc triển khai các ứng dụng nền tảng số; từ đó tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp đóng góp dữ liệu và hưởng lợi từ dữ liệu đã đóng góp.

2.6. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

- Bổ sung các chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu vào Bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI), bao gồm từ đánh giá kết quả triển khai dữ liệu mở của các cơ quan Nhà nước, cho đến mức độ hoàn thành xây dựng các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành của tỉnh, khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, các bộ dữ liệu lớn,...

- Định kỳ hàng năm công bố kết quả chỉ số đánh giá về phát triển dữ liệu cùng với bộ chỉ số chuyển đổi số, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về mức độ phát triển dữ liệu, kết quả thực hiện chiến lược của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược dữ liệu bao gồm: ngân sách nhà nước (kinh phí của Trung ương và kinh phí từ nguồn thu của tỉnh); nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược dữ liệu.

2. Ưu tiên kinh phí từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Trong đó:

- Nguồn kinh phí đầu tư phát triển để chi cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng các hệ thống thông tin, nền tảng số; tạo lập, phát triển hạ tầng dữ liệu số.

- Nguồn kinh phí sự nghiệp CNTT, nguồn kinh phí sự nghiệp chuyên ngành khác (môi trường, giao thông, du lịch, văn hóa,...) và các nguồn chi thường xuyên khác để chi cho các nhiệm vụ: thông tin, tuyên truyền; nghiên cứu, xây dựng thể chế chính sách; điều tra, khảo sát, thống kê, đo lường, đánh giá; duy trì, cập nhật, chia sẻ dữ liệu số; duy trì, vận hành hệ thống thông tin; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực dữ liệu số; các nhiệm vụ khác thuộc Chiến lược dữ liệu có tính chất chi thường xuyên.

- Ưu tiên bố trí tỷ lệ ngân sách thỏa đáng trực tiếp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường để thực hiện tạo lập dữ liệu tại nguồn.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược dữ liệu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh

Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh tham mưu, đề xuất giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, phối hợp thực hiện, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện Chiến lược này; định kỳ kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; chỉ đạo việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung Chiến lược bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển của tỉnh. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp, chia sẻ dữ liệu và triển khai các nhiệm vụ, dự án liên quan đến phát triển, quản trị và khai thác dữ liệu.

2. Công an tỉnh (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo về dữ liệu)

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Ban Chỉ đạo về dữ liệu tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai Chiến lược này.

- Chủ trì tham mưu, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, lộ trình triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Ninh Bình.

- Triển khai, ban hành các văn bản hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin trong công tác kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu. Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin và giám sát thực hiện theo các quy định của pháp luật, ngành Công an.

- Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành trong việc kết nối, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các chủ trương, chiến lược, chính sách về dữ liệu, tổ chức xây dựng, phát triển các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, bảo vệ, quản lý, sử dụng tài nguyên dữ liệu; triển khai tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích và khai thác dữ liệu từ CSDL tổng hợp quốc gia đến các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin từ Trung tâm dữ liệu quốc gia với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất từ các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Bộ Công an và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện vai trò đầu mối tham mưu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về lĩnh vực dữ liệu và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, cập nhật các danh mục CSDL dùng chung, danh mục dữ liệu mở của tỉnh, triển khai tích hợp các dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phát triển, quản lý, quản trị, phân tích dữ liệu và khai thác dữ liệu cho cán bộ công chức, viên chức phụ trách CNTT của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các hoạt động tuyên truyền về phát triển dữ liệu số.

- Phối hợp với các đơn vị công bố danh mục danh mục CSDL chuyên ngành, danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu của tỉnh. Hỗ trợ các sở, ban, ngành triển khai danh mục dữ liệu, phát triển danh mục CSDL chuyên ngành, CSDL dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh,

khai thác các nền tảng tạo lập, quản lý dữ liệu.

- Phối hợp Công an tỉnh theo dõi tình hình triển khai của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Chiến lược dữ liệu và phối hợp với các đơn vị tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí (nguồn chi đầu tư phát triển, nguồn chi thường xuyên) 5 năm và hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ phát triển hạ tầng dữ liệu số theo quy định hiện hành.

- Căn cứ vào khả năng nguồn vốn ngân sách địa phương từng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện phát triển dữ liệu.

5. Các sở, ban, ngành

- Chủ trì xây dựng danh mục hệ thống thông tin, danh mục CSDL chuyên ngành, danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu chuyên ngành, danh mục các nhu cầu cần dự đoán, dự báo (Sở Nội vụ: Dữ liệu lao động, việc làm; Sở Xây dựng: Dữ liệu hạ tầng, giao thông; Sở Nông nghiệp và Môi trường: Dữ liệu nông nghiệp, quan trắc xả thải).

- Chủ trì xây dựng chi tiết Danh mục dữ liệu phát triển ngành, lấy đó làm thước đo để triển khai các hệ thống, phần mềm; hướng đến ứng dụng các công nghệ phân tích, xử lý dữ liệu lớn vào phân tích các bài toán bằng dữ liệu của ngành mình.

- Triển khai các hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành thống nhất trên địa bàn tỉnh, từ sở, ban, ngành đến các xã, phường và các sở ngành có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan triển khai số hóa, tạo lập CSDL chuyên ngành đảm bảo sau khi dữ liệu hoàn thiện đến đâu thì đưa vào hệ thống thông tin chuyên ngành đến đó, dữ liệu luôn được cập nhật.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về những thay đổi quy định dữ liệu ngành để làm cơ sở cập nhật Chiến lược dữ liệu hằng năm.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ về việc tổ chức các hội thảo chuyên sâu về phân tích, xử lý dữ liệu trong ngành, lĩnh vực của cơ quan mình.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Phối hợp cùng các sở, ban, ngành trong việc triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành và số hóa, tạo lập CSDL chuyên ngành (thống nhất và thông suốt từ cấp xã đến cấp sở, ngành).

- Đề xuất nhu cầu về phân cấp, phân quyền dữ liệu để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo tuyên truyền, tập huấn về phát triển dữ liệu số tại Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường cân đối nguồn kinh phí để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, phân quyền dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	Hoàn thiện cơ chế, chính sách			
1	Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định, kế hoạch và hướng dẫn về quản lý, khai thác, chia sẻ, bảo vệ và phát triển dữ liệu của tỉnh.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường	Hàng năm
2	Rà soát, phân loại dữ liệu và ban hành danh mục dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi theo quy định của Luật Dữ liệu 2025; cập nhật hằng năm.	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
3	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; cập nhật hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
4	Xây dựng chính sách khuyến khích và cơ chế kinh tế dữ liệu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khai thác, tái sử dụng dữ liệu một cách hợp pháp; từng bước hình thành thị trường dữ liệu của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
II	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức			
5	Xây dựng các kênh tuyên truyền, tổ chức thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò, tầm quan trọng của giá trị dữ liệu, phát triển, khai thác sử dụng, chia sẻ dữ liệu hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên
III	Hoàn thiện hạ tầng, nền tảng tối thiểu			
6	Hoàn thiện hạ tầng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đáp ứng an toàn thông tin mạng cấp độ 3	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh	2026
7	Xây dựng các nền tảng tối thiểu theo yêu cầu	Sở Khoa học và Công nghệ		2030
8	Hoàn thiện Cổng dữ liệu mở của tỉnh, tích hợp với Cổng dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường xuyên
9	Xây dựng, hoàn thiện các hạ tầng thu thập và truyền tải dữ liệu tại UBND các xã, phường. Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh, giao thông thông minh, quản trắc tài nguyên, môi trường tại UBND các xã, phường; kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí			
10	Duy trì việc kết nối Nền tảng điện toán đám mây của các cơ quan nhà nước tại tỉnh với Nền tảng điện toán đám mây Chính Phủ, đồng thời kết nối với đám mây của các doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ Chính phủ số	Sở Khoa học và Công nghệ		Thường xuyên
IV	Phát triển dữ liệu của tỉnh			
11	Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin Kho dữ liệu dùng chung, công dữ liệu mở của tỉnh; đầu mối kỹ thuật trong quản trị, vận hành Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng dữ liệu của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
12	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đầy đủ, theo thời gian thực, có chất lượng theo tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất” phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và cấp ủy, chính quyền cấp xã	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
13	Cập nhật, cung cấp kịp thời các bộ dữ liệu mở cho các cơ quan, doanh nghiệp và người dân tra cứu, khai thác và sử dụng.	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
14	Tổ chức hướng dẫn số hoá, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu về kết quả thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định; thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, lưu trữ trong Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, công dân.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026
15	Triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống IoT giám sát cộng đồng (an ninh, môi trường, giao thông) với các hệ thống của cơ quan nhà	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	nước để phục vụ quản lý và cung cấp tiện ích cho người dân. Số hoá, triển khai các hệ thống thông tin chuyên ngành.			
16	Số hoá, phát triển dịch vụ, ứng dụng các công nghệ mới (AI, Big Data, Blockchain, IoT,...) trong phân tích, sử dụng dữ liệu giải quyết những khó khăn vướng mắc, các lĩnh vực trọng yếu của tỉnh như đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, biên mậu, du lịch, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, KHCN,...	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
17	Tích hợp dữ liệu và phát triển các hệ thống thông tin dùng chung chỉ đạo, điều hành của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
V	Phát triển kết nối, chia sẻ dữ liệu			
18	Phát triển các nền tảng số, nền tảng tổng hợp phân tích dữ liệu, nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
19	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh với Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu của các bộ ngành trung ương. Đồng thời, đồng bộ hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh với hệ thống dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu mở và cơ sở dữ liệu của các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh theo đúng quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
VI	Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cho dữ liệu			
20	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị trong việc bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
21	Xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin đơn vị quản lý. Triển khai đầy đủ các phương án, công cụ bảo vệ, giám sát, nâng cao an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình bảo vệ 4 lớp cho hệ thống thông	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Công an tỉnh	2026-2030

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
	tin do các cơ quan, đơn vị được giao quản lý.			
VII	Xây dựng nguồn nhân lực (đào tạo, phát triển)			
22	Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về dữ liệu, cùng với kế hoạch chuyển đổi số hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
23	Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước ở các cấp về thể chế, chính sách, quy trình và phương pháp quản trị dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
24	Đào tạo chuyên sâu cho lực lượng kỹ thuật và cán bộ chuyên trách/phụ trách dữ liệu về các nội dung: quản trị cơ sở dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, dữ liệu mở, dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu,... Đào tạo kỹ năng dữ liệu cơ bản cho người dân và doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
25	Xây dựng mạng lưới chuyên gia, nhân lực dữ liệu tỉnh.	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030
VIII	Phát triển thị trường dữ liệu			
26	Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thị trường dữ liệu trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hài hòa giữa quản lý nhà nước và thúc đẩy sáng tạo, khai thác, tái sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	2026-2030